

Số: 54/2019/DS-ST

Ngày 12/12/2019.

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản và nợ hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Bông.

2. Bà Nguyễn Thị Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và nợ hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: đường L, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: đường Đ, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú tại: Nhà tạm giữ Công an thành phố B, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Khoảng tháng 10/2016 bà có cho bà H vay số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Bà có chơi hộ cho bà H01 dây huê do bà Phan Thị Kim H, địa chỉ đường H, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng làm chủ, huê 5.000.000đ, gồm 22 phần, áp thảo ngày 15/10/2016, đến ngày 15/12/2016 bà đã hốt huê hộ cho bà H được 86.000.000đ (tám mươi sáu triệu đồng) và bà H trả luôn cho bà số tiền này,

còn nợ lại 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng), cùng ngày bà H vay lại 11.000.000đ (mười một triệu đồng), tổng cộng bà H nợ 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), bà H có ký xác nhận nợ. Đến ngày 20/12/2016 bà H trả nợ 5.000.000đ, còn nợ lại 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Bà có chơi hộ cho bà H 01 dây huê do bà Phan Thị Kim H, địa chỉ đường H, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng làm chủ, huê 10.000.000đ, gồm 20 phần, áp thảo ngày 15/10/2016, đến ngày 25/01/2017 bà bỏ huê 7.800.000đ + 10.000.000đ áp cái và hốt cho bà H được 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), bà H đã nhận đủ số tiền này. Bà H đã đóng cho bà đến 20/11/2017 được 106.000.000đ (một trăm lẻ sáu triệu đồng), trong đó tháng 11/2016 bà H đóng có 6.000.000đ. Hiện tại bà H còn nợ tiền huê gốc là 64.200.000đ.

+ *Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà xác nhận hiện tại bà còn nợ bà Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền vay là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Năm 2018 bà có vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố B số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và trả luôn cho bà T tại Ngân hàng, bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc trả nợ số tiền này.

Nay bà T yêu cầu bà phải trả nợ số tiền 60.000.000đ thì bà chỉ đồng ý trả nợ số tiền vay gốc là 10.000.000đ.

Năm 2016 bà có nhờ bà Nguyễn Thị Thanh T chơi hộ dây hui 10.000.000đ, gồm 20 phần, áp thảo ngày 20/12/2016. Tháng 01/2017, bà hốt hui được 150.000.000đ (bà bỏ 2.200.000đ, hốt một phần được 7.800.000đ x 18 phần + 10.000.000đ), bà đã đóng huê chết cho bà T mỗi tháng 10.000.000đ đến ngày 01/10/2018 là kết thúc. Như vậy, tiền huê bà không còn nợ bà T đồng nào.

+ *Các tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ các bên đã thống nhất:* 01 giấy vay tiền ghi ngày 11/6/2018; 01 giấy ghi huê áp cái ngày 20/12/2016, 01 giấy nhận nợ huê ghi ngày ghi ngày 01/6/2018 và 01 giấy ghi nợ huê và nợ vay ngày 20/12/2016.

+ *Các tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ các bên không thống nhất:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán tổng số tiền là 84.200.000đ, trong đó tiền vay là 20.000.000đ, tiền hui là 64.200.000đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H xác nhận có nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị Thanh T là 60.000.000đ, đã trả nợ 50.000.000đ tại Ngân hàng Chính sách xã hội Tp. B, tỉnh Lâm Đồng và còn nợ lại bà T số tiền 10.000.000đ.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền 60.000.000đ, không chấp nhận số tiền 24.200.000đ, buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn bà Nguyễn Thị H đã tự nguyện giao dịch về việc cho vay tiền và chơi hụi với nhau vào năm 2016 và năm 2018. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và nợ hụi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, cư trú tại địa chỉ: đường Đ, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú tại: Nhà tạm giữ Công an thành phố B, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đòi bị đơn bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền vay gốc là 20.000.000đ và tiền nợ hụi là 64.200.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị H có xác lập giao dịch dân sự vay tiền vào ngày 20/12/2016, với số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), có ghi giấy mượn tiền. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, ...mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, bà H đã thừa nhận có vay và nhận đủ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) từ bà T là có căn cứ.

Đối với số tiền nợ hụi 64.200.000đ. Tại văn bản ngày 06/8/2019 (bút lục số 40b), bà H đã thừa nhận còn nợ bà T tiền hụi là 40.000.000đ nên được chấp nhận. Số tiền nợ hụi là 24.200.000đ bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận và buộc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến trình bày phản bác của bà Nguyễn Thị H cho rằng đã trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T được số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng Chính sách xã hội Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Thanh T xác định: Chưa nhận được số tiền nào từ bà H trả nợ. Ngoài ra, bà H cũng xác định: Không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho

việc trả nợ số tiền 50.000.000đ tại Ngân hàng Chính sách xã hội Tp. B, tỉnh Lâm Đồng nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị H cho rằng bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh T là 40.000.000đ chứ không phải bà còn nợ tiền hui là 64.200.000đ như bà T trình, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T và bà H đều xác định: Năm 2016 đến năm 2018, bà T có chơi hộ cho bà Nguyễn Thị H nhiều dây hui do bà Phan Thị Kim H làm cái. Tại văn bản ngày 06/8/2019 (bút lục số 40b), bà H đã thừa nhận còn nợ bà T tiền hui là 40.000.000đ. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền 40.000.000đ bà H nợ bà T là tiền nợ hui chứ không phải là tiền vay như bà H trình bày.

[5] Bà H cho rằng, bà T còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng là 80.872.000đ (tám mươi triệu, tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án bà H không khởi kiện phản tố đối với nguyên đơn là bà T nên tách ra giải quyết thành vụ kiện dân sự khác.

[6] Từ những phân tích nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự tài sản và nợ hui*” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

[7] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền 84.200.000đ, được Tòa án chấp nhận một phần là 60.000.000đ, theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 5% là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hui là 24.200.000đ không được Tòa án chấp nhận thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có với mức thu là 5% là 1.210.000đ (một triệu hai trăm mười ngàn đồng).

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), trong đó tiền vay gốc là 20.000.000đ, tiền nợ hui là 40.000.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đòi bị đơn bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hui là 24.200.000đ (hai mươi bốn triệu, hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.210.000đ (một triệu hai trăm mười ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.600.000đ (hai triệu, sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005690 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền chênh lệch là 1.390.000đ (một triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng).

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. Bảo Lộc;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công